|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ**TRƯỜNG THCS ĐÔNG THÁI** |  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

(Thời gian 90 phút)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn và tục ngữ | **4** | **0** | **4** | **1** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Thơ |
| Nghị luận xã hội |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| Viết văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |
| **Tổng** | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **25** | **35%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/****Đơn vị** **kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông** **hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc** **hiểu** | **Truyện ngụ ngôn và tục ngữ** | **Nhận biết:**- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.- Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.- Phân biệt được sự khác nhau giữa thành ngữ và tục ngữ.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của tục ngữ; công dụng của nói quá, nói giảm - nói tránh.**Vận dụng:**- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **Thơ** | **Nhận biết:**- Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.- Nhận biết được vẻ đẹp của từ ngữ và hình ảnh trong thơ.- Xác định được dấu chấm lửng trong thơ.**Thông hiểu:**- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Rút ra được chủ đề, thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc.- Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.- Giải thích được nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.**Vận dụng:**- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |
| **Nghị luận xã hội** | **Nhận biết**:- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.- Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.**Thông hiểu**:- Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.- Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. **Vận dụng:** - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |
| **Tùy bút, tản văn** | **Nhận biết:** - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.- Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn. **Thông hiểu:**- Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.- Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Giải thích được ý nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.**Vận dụng**:- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.** | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản phân tích nhân vật trong một tác phẩm.**Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)**Vận dụng:** Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.**Vận dụng cao:**Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
| **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.** | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.**Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)**Vận dụng:** Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được quan điểm của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.**Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |
| **Tổng** |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**ĐỀ THI**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

*(Theo Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam,2007, tr 36-37)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** **Văn bản “*Thời gian là vàng*” thuộc loại văn bản nào?**

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản tự sự

D. Văn bản thuyết minh

**Câu 2:** **Trong văn bản trên người viết đã đưa ra mấy ý kiến để nêu lên giá trị của thời gian?**

A. 7

B. 6

C. 5

D. 4

**Câu 3: Nhận định nào không đúng khi nói văn bản “*Thời gian là vàng*” là văn bản bàn về một vấn đề đời sống?**

A. Bài viết ngắn gọn súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết

B. Người viết thể hiện rõ ý kiến đối với vấn đề cần bàn bạc

C. Trình bày những ý kiến, lí lẽ, bằng chứng cụ thể

D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

**Câu 4: Câu “*Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được*.” có mấy phó từ?**

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 5: Câu “*Ngạn ngữ có câu:******thời gian là vàng*” sử dụng biện pháp tu từ gì?**

A. Nhân hóa

B. Ẩn dụ

C. So sánh

D. Nói quá

**Câu 6: Từ “vô giá” trong văn bản có nghĩa là?**

A. Không có tác dụng, không có giá trị gì nên không định được giá

B. Rất quý, rất có giá trị đến mức không định được giá nào cho phù hợp

C. Không tồn tại, không sử dụng được nên không định dược giá

D. Không tìm thấy ở bất cứ đâu nên không định được giá.

**Câu 7:** **Nội dung chính trong văn bản trên là gì?**

A. Khẳng định giá trị của vàng đối với con người

B. Khẳng định giá trị của thời gian đối với con người

C. Phải biết tận dụng thời gian trong công việc.

D. Ý nghĩa của thời gian trong kinh doanh, sản xuất

**Câu 8:** **Câu: “*Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được*” đóng vai trò gì trong văn bản?**

A. Ý kiến

B. Lí lẽ

C. Dẫn chứng

D. Lập luận

**Câu 9:** Em tâm đắc thông điệp nào nhất? Vì sao?

**Câu 10:** Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | - Học sinh có thể chọn một thông điệp mà bản than tâm đắc. - HS giải thích lý do đảm bảo có tính thuyết phục. | 0,50,5  |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 bài học rút ra được là về việc sử dụng thời gian:Gợi ý:- Cần sử dụng thời gian một cách hợp lí, có kế hoạch cho từng việc. - Không nên lãng phí thời gian vì thời gian đã qua thì không thể lấy lại được. | 0,50,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.  | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: viết bài văn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm  | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận- Giải thích, hiện trạnga, nguyên nhân, bài học…- Khẳng định lại ý kiến, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,5 |